

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 19**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Sông Đà 19 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 869/QĐ-BXD ngày 18 tháng 06 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400450691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 05 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Trần Mạnh Cường	629.540.000	1,26
Ông Phan Văn Hào	629.540.000	1,26
Ông Trịnh Quốc Liễu	292.020.000	0,58
Ông Vũ Kim Long	292.020.000	0,58
Các cổ đông khác	48.156.880.000	96,32
Cộng	50.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội
Điện thoại : 04 3994 9882
Fax : 04 3787 6375
Website : songda19.com.vn
Mã số thuế : 0 4 0 0 4 5 0 6 9 1

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 19 tại Đà Nẵng	Số 12 Hồ Xuân Hương, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Hoạt động chính của Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp, sân bay, bến cảng, cầu;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà, khách sạn;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh điện;
- Xuất nhập khẩu vật tư và thiết bị;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Phá dỡ, san lấp và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng;
- Dịch vụ nổ mìn./.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung	Số 12 Hồ Xuân Hương, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401380849	93%
Công ty TNHH Thủy điện Đắk Lắk	Số 162, đường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100593280	95%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 32).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 19 khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Hồng Sự	Chủ tịch HĐQT	26 tháng 4 năm 2008
Ông Vũ Trung Trực	Thành viên	01 tháng 7 năm 2010
Ông Vũ Kim Long	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008
Ông Trần Mạnh Cường	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008
Ông Huỳnh Văn Cán	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Trưởng ban	26 tháng 4 năm 2008
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008
Ông Phạm Văn Kiều	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	26 tháng 4 năm 2008
Ông Phan Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 8 năm 2003
Ông Châu Hà Nhân	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 5 năm 2009
Ông Vũ Trung Trực	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2009
Ông Bùi Khắc Giang	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2010

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc

Trần Mạnh Cường

Ngày 13 tháng 9 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 và các công ty con gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 13 tháng 9 năm 2011, từ trang 6 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 19. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 08 tháng 3 năm 2011 có dạng ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty mẹ, các công ty con và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2011

Bùi Hoàng Phương

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1441/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		143,183,126,947	117,859,245,428
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10,911,134,162	16,562,344,953
1. Tiền	111		6,651,320,308	2,362,344,953
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,259,813,854	14,200,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71,738,228,201	54,991,446,676
1. Phải thu khách hàng	131		57,345,888,012	46,225,551,410
2. Trả trước cho người bán	132		8,025,434,622	3,095,570,853
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	6,366,905,567	5,670,324,413
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		49,353,026,593	40,242,105,400
1. Hàng tồn kho	141	V.3	49,353,026,593	40,242,105,400
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,180,737,991	6,063,348,399
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		461,608,390	109,345,894
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	-	237,143,285
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	10,719,129,601	5,716,859,220

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39,781,154,724	28,659,455,048
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		22,188,392,209	21,335,838,036
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	5,317,254,220	5,587,235,138
<i>Nguyên giá</i>	222		26,459,610,973	26,680,872,965
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(21,142,356,753)	(21,093,637,827)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	13,033,704,870	13,033,704,870
<i>Nguyên giá</i>	228		13,033,704,870	13,033,704,870
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	3,837,433,119	2,714,898,028
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6,900,000,000	6,900,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	6,900,000,000	6,900,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		10,692,762,515	423,617,012
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	10,659,777,733	390,632,230
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	32,984,782	32,984,782
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		182,964,281,671	146,518,700,476

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		114,921,681,771	78,556,064,505
I. Nợ ngắn hạn	310		100,406,399,898	72,733,564,505
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	47,728,388,882	22,208,810,472
2. Phải trả người bán	312		17,972,049,355	14,913,953,645
3. Người mua trả tiền trước	313		19,461,674,701	16,525,830,204
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	937,399,991	3,909,538,871
5. Phải trả người lao động	315		462,823,788	204,040,258
6. Chi phí phải trả	316	V.14	2,248,390,000	76,957,165
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	11,531,060,753	14,509,421,462
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	64,612,428	385,012,428
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14,515,281,873	5,822,500,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	14,436,571,966	5,822,500,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.18	78,709,907	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	67,678,723,068	67,591,135,276
I. Vốn chủ sở hữu	410		67,678,723,068	67,591,135,276
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13,510,260,157	13,510,260,157
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3,057,911,703	3,057,911,703
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		775,138,871	775,138,871
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		335,412,337	247,824,545
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.20	363,876,832	371,500,695
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		182,964,281,671	146,518,700,476

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		49,616,895	49,616,895
5. Ngoại tệ các loại:			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 13 tháng 9 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thị Minh Thủy

Nguyễn Đình Thiện

Trần Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	51,267,181,848	30,829,588,178
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	25,355,491
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		51,267,181,848	30,804,232,687
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	43,322,339,260	25,200,296,038
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7,944,842,588	5,603,936,649
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	414,860,871	726,015,734
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	3,532,937,869	1,354,408,365
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3,532,937,869	1,354,408,365
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4,499,276,662	3,536,791,825
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		327,488,928	1,438,752,193
11. Thu nhập khác	31	VI.7	345,374,180	377,550,445
12. Chi phí khác	32	VI.8	204,959,752	316,007,522
13. Lợi nhuận khác	40		140,414,428	61,542,923
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		467,903,356	1,500,295,116
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	309,229,520	412,509,660
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		78,709,907	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>79,963,929</u>	<u>1,087,785,456</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(7,623,863)	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		87,587,792	1,087,785,456
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>18</u>	<u>335</u>

Lập, ngày 13 tháng 9 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thị Minh Thủy

Nguyễn Đình Thiện

Trần Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		467,903,356	1,500,295,116
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		603,762,736	416,026,402
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(258,985,724)	(149,489,020)
- Chi phí lãi vay	06		3,532,937,869	1,354,408,365
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4,345,618,237	3,121,240,863
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21,814,171,117)	(9,221,756,846)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9,110,921,193)	(20,795,420,637)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2,164,690,871	(7,544,834,480)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(10,269,145,503)	(230,610,790)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3,387,060,179)	(1,354,408,365)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(263,408)	(272,112,541)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		94,800,000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(465,200,000)	(270,745,455)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(38,441,652,292)	(36,568,648,251)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,456,316,909)	(1,693,980,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		81,818,182	55,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		177,167,542	94,489,020
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,197,331,185)	(1,544,490,980)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	47,647,487,850
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		65,594,122,888	11,347,587,273
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(31,606,350,202)	(20,858,333,014)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		33,987,772,686	38,136,742,109
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5,651,210,791)	23,602,878
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	16,562,344,953	4,306,501,750
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	10,911,134,162	4,330,104,628

Lập, ngày 13 tháng 9 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thị Minh Thủy

Nguyễn Đình Thiện

Trần Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 và các Công ty con (gọi chung là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây lắp

3. Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ :

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp.

4. Tổng số các công ty con : 02

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung	Số 12 Hồ Xuân Hương, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	96,51%	93%
Công ty TNHH Thủy điện Đắk Lắk	Số 162, đường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	100%	95%

6. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty có 135 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 94 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 19 đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Sông Đà 19 (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 19
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	03

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới văn phòng sử dụng, bao gồm: tiền chi trả cho bên cho thuê, chi phí lắp đặt, cải tạo lại văn phòng... Chi phí thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian theo hợp đồng thuê là 49 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu hợp đồng xây dựng chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	819.633.944	528.277.655
Tiền gửi ngân hàng	5.831.686.364	1.834.067.298
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng)	4.259.813.854	14.200.000.000
Cộng	10.911.134.162	16.562.344.953

2. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền BHXH, BHYT, BHTN	35.014.673	21.087.509
Phải thu Phan Bùi Yến Thanh tiền bán đất	22.000.000	22.000.000
Phải thu Ban Quản lý dự án Giao thông Nông thông Đà Nẵng tiền đền bù giải phóng mặt bằng	9.557.000	9.557.000
Công ty CP thủy điện Sông Thanh		1.065.687
Phải thu Phạm Tiến Hoàng tiền phạt thuế	89.102.517	89.102.517
Công ty Cổ phần Nam Hải (tiền thoái vốn đầu tư)	4.500.000.000	4.500.000.000
Các khoản phải thu khác	1.711.231.377	1.027.511.700
Cộng	6.366.905.567	5.670.324.413

3. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	325.213.284	
Công cụ, dụng cụ	20.258.759	20.258.759
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.007.554.550	40.221.846.641
Cộng	49.353.026.593	40.242.105.400

4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	10.669.129.601	5.716.859.220
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	
Cộng	10.719.129.601	5.716.859.220

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.049.648.007	10.053.370.715	577.854.243		26.680.872.965
Mua sắm mới trong kỳ	230.000.000		44.781.818	59.000.000	333.781.818
Giảm do thanh lý, nhượng bán	555.043.810				555.043.810
Số cuối kỳ	15.724.604.197	10.053.370.715	622.636.061	59.000.000	26.459.610.973
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.770.374.062	2.156.969.299	268.400.825		10.195.744.186
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	13.165.140.769	7.535.467.883	393.029.175		21.093.637.827
Khấu hao trong kỳ	183.860.938	325.094.167	75.141.131	19.666.668	603.762.736
Giảm do thanh lý, nhượng bán	555.043.810				555.043.810
Số cuối kỳ	12.793.957.897	7.860.562.050	468.170.306	19.666.668	21.142.356.753
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.884.507.238	2.517.902.832	184.825.068		5.587.235.138
Số cuối kỳ	2.930.646.300	2.192.808.665	154.465.755	39.333.332	5.317.254.220

Tài sản cố định là Phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 953.627.273 VND và 850.317.651 VND được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn.

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất lâu dài có trả tiền sử dụng đất tại số 12 Hồ Xuân Hương, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng với diện tích là 1.808,2 m².

Quyền sử dụng đất này được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
XDCB dở dang				
Công trình số 12 Hồ Xuân Hương	2.001.671.379	642.516.563		2.644.187.942
Công trình thủy điện Đăk Lây	713.226.649	480.018.528		1.193.245.177
Cộng	2.714.898.028	1.122.535.091		3.837.433.119

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Là khoản đầu tư góp vốn tại:				
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên		500.000.000		500.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkring		400.000.000		400.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II		1.000.000.000		1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Phúc Hà ⁽ⁱ⁾		5.000.000.000		5.000.000.000
Cộng		6.900.000.000		6.900.000.000

- ⁽ⁱ⁾ Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư kinh doanh số 02/2009/HĐHTĐT về việc đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án Tổ hợp chung cư cao tầng Nam Xa La tại phường Phúc La, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, tổng mức đầu tư tạm tính của dự án là 701.257.550.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 15%, góp vốn lần đầu là 5.000.000.000 VND.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào	Số cuối kỳ
			chi phí trong kỳ	
Dụng cụ văn phòng	157.405.838	17.343.182	97.850.356	76.898.664
Dụng cụ sản xuất, chi phí sửa chữa xe	11.844.594	98.837.454	20.561.977	90.120.071
Sửa chữa nhà làm việc	158.645.841		103.055.632	55.590.209
Chi phí bảo hiểm công trình	62.735.957	53.611.300	45.459.579	70.887.678
Chi phí thuê văn phòng tại Đà Nẵng		150.500.000	42.000.000	108.200.000
Phí quản lý khoản vay trong 05 năm		192.500.000	12.833.333	179.666.667
Thuê văn phòng tại HH3 Mỹ Đình ⁽ⁱ⁾		10.078.114.444		10.078.114.444
Cộng	390.632.230	10.590.906.380	321.760.877	10.659.777.733

- ⁽ⁱ⁾ Quyền thuê văn phòng tại tầng 13 tòa nhà hỗn hợp HH3, khu đô thị mới Mỹ Đình, xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội được đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	36.048.938.882	22.208.810.472
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn</i>	<i>33.200.270.306</i>	<i>22.208.810.472</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây</i>	<i>2.848.668.576</i>	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	11.679.450.000	
Cộng	47.728.388.882	22.208.810.472

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	22.208.810.472	41.681.478.612	27.841.350.202	36.048.938.882
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác		13.979.450.000	2.300.000.000	11.679.450.000
Cộng	22.208.810.472	55.806.806.302	30.141.350.202	47.728.388.882

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.841.326.881	369.072.961	3.387.356.980	823.042.862
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(213.964.042)	309.229.520	263.408	95.002.070
Thuế thu nhập cá nhân	45.032.747	51.154.955	76.832.643	19.355.059
Thuế nhà đất		4.027.800	4.027.800	
Các loại thuế khác		10.000.000	10.000.000	
Cộng	3.672.395.586	743.485.236	3.478.480.831	937.399.991

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.6).

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải thu nhà nước		(237.143.285)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	937.399.991	3.909.538.871
Cộng	937.399.991	3.672.395.586

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	467.903.356	1.500.295.116
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(33.126.244)	149.743.524
<i>Khấu hao tương ứng với phần chênh lệch tăng thêm do Công ty mẹ góp vốn vào Công ty con bằng tài sản</i>	<i>(314.839.628)</i>	
<i>Khoản lỗ tại Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung</i>	<i>218.413.384</i>	
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>63.300.000</i>	<i>149.743.524</i>
Thu nhập chịu thuế	434.777.112	1.650.038.640
Phân bổ thu nhập từ chênh lệch góp vốn vào Công ty con bằng tài sản được hoãn thuế nộp trong năm 2010	821.498.960	
Thu nhập tính thuế	1.256.276.072	1.650.038.640
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	314.069.018	412.509.660
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(4.839.498)	
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	309.229.520	412.509.660

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

14. Chi phí phải trả

Là chi phải trả về thi công công trình.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	356.106.522	39.748.774
Kinh phí công đoàn	396.884.627	376.381.867
Trái phiếu chính phủ	7.200.000	7.200.000
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	35.000.000	35.000.000
Tiền thuê văn phòng phải trả Công ty CP ĐT Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	1.588.608.000	1.163.968.000
Chi phí phục vụ công trình phải trả các đội		1.866.190.552
Khối lượng phải trả theo hợp đồng khoán	8.274.910.636	10.593.698.986
Các khoản phải trả phải nộp khác	872.350.968	427.233.283
Cộng	11.531.060.753	14.509.421.462

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	329.000.381		322.200.000	6.800.381
Quỹ phúc lợi	56.012.047	94.800.000	93.000.000	57.812.047
Cộng	385.012.428	94.800.000	415.200.000	64.612.428

17. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	12.057.500.000	5.822.500.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
– Chi nhánh Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾	4.225.000.000	5.200.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội		
– Chi nhánh Mỹ Đình ⁽ⁱⁱ⁾	7.315.000.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Chi nhánh Ngũ Hành Sơn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	517.500.000	622.500.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác^(iv)	2.379.071.966	
Cộng	14.436.571.966	5.822.500.000

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 01/TH-SD19 ngày 11 tháng 12 năm 2009 để trả tiền mua đất đầu tư xây dựng chung cư cao tầng phục vụ cho sản xuất kinh doanh tại số 12 đường Hồ Xuân Hương, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, thời hạn cho vay là 05 năm, trả lãi hàng tháng với lãi suất vay không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ trên.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Mỹ Đình theo hợp đồng tín dụng số 23.11.011.410497.TD tháng 3 năm 2011 để thanh toán tiền thuê văn phòng HH3 theo Hợp đồng thuê văn phòng số 09 HĐTVP/HH3 ký ngày 15 tháng 02 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà và Công ty Cổ phần Sông Đà 19, thời hạn vay là 05 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ quyền thuê 529 m² văn phòng tại tầng 13 tòa nhà hỗn hợp HH3, Khu đô thị mới Mỹ Đình, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng thuê văn phòng nói trên.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn theo Hợp đồng tín dụng số 102101/TH ngày 9 tháng 11 năm 2010 để mua xe ô tô, thời hạn vay là 36 tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(iv) Là khoản vay tương ứng với tiền đặt cọc mua căn hộ tại số 120 Hồ Xuân Hương, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng. Các hợp đồng vay cá nhân tương ứng với từng lần chủ hộ nộp tiền theo đợt để mua chung cư, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày nộp tiền đầu tiên với lãi suất là 2%/ năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn**

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	12.057.500.000		12.057.500.000	
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.379.071.966		2.379.071.966	
Cộng	14.436.571.966		14.436.571.966	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	5.200.000.000	7.700.000.000	1.360.000.000	11.540.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	5.200.000.000		975.000.000	4.225.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Mỹ Đình		7.700.000.000	385.000.000	7.315.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn	622.500.000		105.000.000	517.500.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác		2.379.071.966		2.379.071.966
Cộng	5.822.500.000	10.079.071.966	1.465.000.000	14.436.571.966

18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Là thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

19. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	13.510.260.157	3.057.911.703	775.138.871	247.824.545	67.591.135.276
Lợi nhuận trong kỳ này					87.587.792	87.587.792
Số dư cuối kỳ này	50.000.000.000	13.510.260.157	3.057.911.703	775.138.871	335.412.337	67.678.723.068

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	371.500.695
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(7.623.863)
Số cuối kỳ	363.876.832

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu hoạt động xây lắp.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn hợp đồng xây dựng, chi tiết phát sinh như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	29.908.591.692	27.845.387.271
Chi nhân công trực tiếp	8.656.239.250	7.909.447.155
Chi phí sử dụng máy thi công	3.081.430.672	4.451.996.992
Chi phí sản xuất chung	10.461.785.555	5.813.638.014
Tổng chi phí sản xuất	52.108.047.169	46.020.469.432
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(8.785.707.909)	(20.820.173.394)
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	43.322.339.260	25.200.296.038

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	177.167.542	94.489.020
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	237.693.329	631.526.714
Cộng	414.860.871	726.015.734

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.415.491.123	1.388.638.757
Chi phí vật liệu quản lý	209.190.526	201.111.415
Chi phí đồ dùng văn phòng	141.951.949	81.941.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	250.405.249	128.328.762
Thuế, phí và lệ phí	37.196.958	20.348.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	779.740.822	743.888.537
Chi phí bằng tiền khác	665.300.035	972.533.720
Cộng	4.499.276.662	3.536.791.825

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	81.818.182	55.000.000
Thu nhập từ cho thuê lại văn phòng	198.968.000	312.664.000
Các khoản nợ không xác định được chủ	60.362.998	4.188.045
Thu nhập khác	4.225.000	5.698.400
Cộng	345.374.180	377.550.445

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê văn phòng	198.968.000	312.664.000
Thuế bị phạt, bị truy thu		2.289.438
Chi phí khác	5.991.752	1.054.084
Cộng	204.959.752	316.007.522

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	87.587.792	1.087.785.456
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	87.587.792	1.087.785.456
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	3.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	335

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	1.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của 3.500.000 cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 4 năm 2010		1.750.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	3.250.000

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.731.045.135	32.264.083.918
Chi phí nhân công	13.796.834.284	10.676.536.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.031.037.042	334.029.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.873.704.043	4.615.142.204
Chi phí khác	2.174.703.327	1.667.470.084
Cộng	56.607.323.831	49.557.261.257

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng của các công ty trong Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Góp vốn vào Công ty		50.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Cho Công ty vay ngắn hạn	10.979.450.000	
Trả tiền vay ngắn hạn	300.000.000	
Góp vốn vào Công ty		40.000.000
Nhận tạm ứng	6.000.000.000	678.000.000
Hoàn tạm ứng	2.000.000.000	200.000.000
Ban Kiểm soát		
Góp vốn vào Công ty		30.000.000
Nhận tạm ứng	5.000.000	100.000.000
Hoàn tạm ứng	2.514.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	2.230.995	2.576.760
Ban Tổng Giám đốc	5.604.039.299	2.880.903.300
Ban Kiểm soát	2.486.000	
Cộng nợ phải thu	5.608.756.294	2.883.480.060
Ban Tổng Giám đốc	11.244.085.484	564.635.484
Cộng nợ phải trả	11.244.085.484	564.635.484

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	562.762.832	540.632.271
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	148.200.000	149.100.000
Cộng	710.962.832	689.732.271

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Sudico An Khánh	Công ty con của Sudico
Cty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Đầu tư Phát triển Sudico	Công ty liên kết của Sudico

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà		
Chi phí thuê văn phòng ngắn hạn	424.640.000	766.816.000
Chi phí thuê văn phòng HH3 dài hạn	9.002.618.182	
Chuyển tiền thuê văn phòng HH3	9.902.880.000	
Công ty TNHH MTV Sudico An Khánh		
Tiền khối lượng thi công công trình	4.797.731.946	4.309.959.091
Thuế GTGT tương ứng	479.773.195	430.995.909
Thanh toán tiền khối lượng công trình	8.271.322.175	2.867.166.400
Cty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Đầu tư Phát triển Sudico		
Nhận ứng trước tiền khối lượng công trình	1.150.000.000	
Tiền khối lượng thi công công trình	4.277.829.527	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế GTGT tương ứng	427.782.953	
Thanh toán tiền khối lượng công trình	2.246.465.000	
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Sudico An Khánh	9.792.474.541	
Phải thu tiền khối lượng công trình	9.792.474.541	
Cty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Đầu tư Phát triển Sudico	1.882.682.688	
Phải thu tiền khối lượng công trình	1.882.682.688	
Cộng nợ phải thu	11.675.157.229	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	1.588.608.000	1.163.968.000
Chi phí thuê văn phòng	1.588.608.000	1.163.968.000
Công ty TNHH MTV Sudico An Khánh		168.383.000
Ứng trước tiền khối lượng công trình		168.383.000
Cty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Đầu tư Phát triển Sudico	573.535.208	
Ứng trước tiền khối lượng công trình	573.535.208	
Cộng nợ phải trả	2.162.143.208	1.332.351.000

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc và khu vực Miền Trung.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	28.454.733.541	22.812.448.307		51.267.181.848
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận		5.764.932.281	(5.764.932.281)	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.454.733.541	28.577.380.588	(5.764.932.281)	51.267.181.848

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.268.325.438	4.676.517.150		7.944.842.588
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				4.499.276.662
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.445.565.926
Doanh thu hoạt động tài chính				414.860.871
Chi phí tài chính				3.532.937.869
Thu nhập khác				345.374.180
Chi phí khác				204.959.752
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				309.229.520
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				78.709.907
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				79.963.929
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.564.973.029	6.482.250.260		12.047.223.289
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	469.248.670	456.274.943	(178.213.185)	747.310.428

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	72.804.125.512	87.283.124.206		160.087.249.718
Tài sản phân bổ cho bộ phận	7.298.998.604	8.678.033.349		15.977.031.953
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				6.900.000.000
Tổng tài sản	80.103.124.116	95.961.157.555		182.964.281.671
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	52.958.394.502	61.963.287.269		114.921.681.771
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả	52.958.394.502	61.963.287.269		114.921.681.771

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 1, ĐN3, CT9 Khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	51.246.156.325	82.394.676.783		133.640.833.108
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1.669.246.787	4.308.620.581		5.977.867.368
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				6.900.000.000
Tổng tài sản	52.915.403.112	86.703.297.364		146.518.700.476

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	26.805.342.978	51.750.721.527		78.556.064.505
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả	26.805.342.978	51.750.721.527		78.556.064.505

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là xây lắp.

3. Thông tin so sánh

Số dư đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ lấy theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội được lập lại để phục vụ cho mục đích so sánh.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 13 tháng 9 năm 2011

Tổng Giám đốc

Lê Thị Minh Thủy

Nguyễn Đình Thiện

Trần Mạnh Cường